

Bản án số: 96/2025/HS-PT

Ngày 03-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Ông Nguyễn Hữu Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 57/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Đặng Đình T và Trần Thị H do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2025/HS-ST ngày 20 tháng 2 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo không kháng cáo:

1. Đặng Đình T, sinh năm 1964 tại Nghệ An; thường trú: Thôn G, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Tổ F, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đình B, sinh năm 1928 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1933 (đã chết); có vợ tên Nguyễn Thị H1, sinh năm 1965 và 04 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/08/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị H, sinh năm 1977 tại Nghệ An; thường trú: Tổ F, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1, sinh năm 1937 (đã chết năm 2018) và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1949; có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/11/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại kháng cáo:

1. Ông Cao Văn S, sinh năm 1971; thường trú: Xóm L, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: Tổ F, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977; thường trú: Xóm Q, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: Tổ F, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Đặng Đình T và Trần Thị Hồng C sống với nhau như vợ chồng. Nhà của các bị cáo T và H ở cạnh nhà vợ chồng ông Cao Văn S và bà Nguyễn Thị N tại đường H thuộc khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 19 giờ ngày 06/12/2023, ông S đi bộ ra đường H thì nhìn thấy thùng rác của nhà bị cáo T và H để lán ra đường đi nên ông S dùng tay quăng thùng rác vào lề đường, lúc này bị cáo H nghe tiếng động nên đi ra thì thấy thùng rác bị ngã nên giữa bị cáo H và ông S xảy ra cự cãi và xô xát với nhau. Nghe tiếng cự cãi nên bị cáo T và bà N cũng từ trong nhà chạy ra nhìn thấy bị cáo H và ông S đang xô xát nên bị cáo T chạy vào hỗ trợ bị cáo H đánh ông S, bà N cũng chạy tới hỗ trợ ông S đánh nhau với các bị cáo T và H. Trong quá trình đánh nhau thì bị cáo T dùng cây củi bằng gỗ đánh vào người ông S gây thương tích, còn bị cáo H dùng cây củi bằng gỗ đánh vào người bà N gây thương tích. Sự việc được mọi người can ngăn và đưa ông S, bà N đi đến Trung tâm y tế thành phố T điều trị vết thương. Đặng Đình T và Trần Thị H bị thương tích nhẹ và có đi khám tại Phòng khám Đ vào ngày 07/12/2023.

Ngày 18/12/2023, ông S và bà N có đơn yêu cầu giám định thương tích và khởi tố vụ án hình sự.

Sau khi xác lập hồ sơ ban đầu, Công an phường H tiến hành bàn giao hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T thụ lý theo thẩm quyền.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 325/2024/KLGD-TTPY ngày 03/6/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận:

Các thương tích của Cao Văn S như sau: Vết thương vùng trán trái 1x0,2cm, sẹo lành. Sây sát da vùng đỉnh-thái dương trái, cằm phải, sung bầm vùng cẳng tay 2 bên, chấn thương ngực, đã lành. Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của: Cao Văn S tại thời điểm giám định là 03% (*Ba phần trăm*).

Các thương tích của Nguyễn Thị N như sau: Cơ chế hình thành thương tích: Vết thương vùng trán trái: Sẹo bờ không rõ, khả năng do vật tày gây ra. Sây sát da vùng đỉnh - thái dương trái, cằm phải, sung bầm vùng cẳng tay 2 bên, chấn thương ngực đã lành, không còn dấu tích nên không xác định được cơ chế hình thành. Kết luận giám định thương tích số 4397/KLTTCT-C09B ngày 13/8/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Sẹo vùng đỉnh đầu trái kích

thước nhỏ. Sẹo đuôi cung mày phải kích thước nhỏ. 02 vết thay đổi sắc tố da. Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị N tại thời điểm giám định là 05% (*Năm phần trăm*). Các thương tích của Nguyễn Thị N có đặc điểm phù hợp do vật tày tác động gây ra.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 679/2024/KLGD-TTPY ngày 19/11/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận giám định thương tích của bị cáo Đặng Đình T tại thời điểm giám định là 00% (*Không phần trăm*).

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 680/2024/KLGD-TTPY ngày 19/11/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận giám định thương tích của bị cáo Trần Thị H tại thời điểm giám định là 00% (*Không phần trăm*).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2025/HS-ST ngày 20 tháng 2 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Xử phạt bị cáo Đặng Đình T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (20/02/2025).

Giao bị cáo Đặng Đình T cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (20/02/2025).

Giao bị cáo Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, bị hại Cao Văn S và Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt hình phạt và không cho các bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: đơn kháng cáo của các bị hại thực hiện trong thời hạn luật định. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Xét đơn kháng cáo của các bị hại, Trong vụ án này, xuất phát từ việc bị hại S ném thùng rác của nhà các bị cáo T và H vào lề đường nên xảy ra cự cãi và xô xát giữa bị hại S và bị cáo H, sau đó các bị cáo T và H đã dùng hung khí nguy hiểm là cây củi bằng gỗ đánh gây thương tích đối với bị hại S với tỷ lệ thương tích là 03% và bị hại Nhuận là 05%. Hành vi của bị hại S là nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo, bị hại S cũng có một phần lỗi trong vụ án, diễn biến hành vi phạm tội, tính chất hậu quả tội phạm là ít nghiêm trọng nên không thể xem xét hành vi phạm tội của các bị cáo T và H có tính chất côn đồ. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo T và H đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, không có sự quanh co, chối tội; đồng thời, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã xin lỗi các bị hại và đồng ý bồi thường khắc phục hậu quả đã nộp số tiền 20.000.000 đồng, điều này đã thể hiện sự ăn năn hối cải của các bị cáo.

Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nguyên nhân để xảy ra hành vi phạm tội, động cơ, mục đích, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo T và H để xử phạt các bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp, không vi phạm quy định về điều kiện được hưởng án treo tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị hại S và N. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại S và N; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2025/HS-ST ngày 20/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải; xin lỗi các bị hại về hành vi đã gây ra và xin Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm để các bị cáo có cơ hội cải tạo thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị hại thực hiện trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ ngày 06/12/2023, ông S đi bộ ra đường H thì nhìn thấy thùng rác của nhà bị cáo T và H để lẩn ra đường đi nên ông S dùng tay quăng thùng rác vào lề đường, lúc này bị cáo H nghe tiếng động nên đi ra thì thấy thùng rác bị ngã nên giữa bị cáo H và ông S xảy ra cự cãi và xô xát với nhau. Nghe tiếng cự cãi nên bị cáo T và bà N cũng từ trong nhà chạy ra nhìn thấy bị cáo H và ông S đang xô xát nên bị cáo T chạy vào hỗ trợ bị cáo H đánh ông S, bà N cũng chạy tới hỗ trợ ông S đánh nhau với các bị cáo T và H. Trong quá trình đánh nhau thì bị cáo T dùng cây củi bằng gỗ đánh vào người ông S gây thương tích tại thời điểm giám định là 03% (*Ba phần trăm*), còn bị cáo H dùng cây củi bằng gỗ đánh vào người bà N xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị N tại thời điểm giám định là 05% (*Năm phần trăm*). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo và đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình và đồng phạm khác dùng ống nhựa cứng đánh vào vùng trọng yếu của người bị hại là nguy hiểm đến tính mạng, xâm hại đến sức khỏe của bị hại, hành vi đó là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của các bị hại cho rằng hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất côn đồ và không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Xét thấy giữa bị cáo và bị hại có mâu thuẫn với nhau, xuất phát từ cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, không phải vô cớ gây thương tích cho các bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo là phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo đã thực hiện. Ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn chấp hành chủ trương chính sách của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú và có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Xét thấy, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, các bị cáo có khả năng

tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Tòa án sơ thẩm xét xử xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo cho các bị cáo hưởng án treo là đã đủ răn đe, giáo dục các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử thấy đơn kháng cáo của các bị hại không có cơ sở chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Tòa cấp sơ thẩm buộc bị cáo Đặng Đình T và bị cáo Trần Thị H phải liên đới bồi thường cho các bị hại ông Cao Văn S và bà Nguyễn Thị N số tiền 143.373.127 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn một trăm hai mươi bảy đồng*). Các bị cáo đã nộp số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004532 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, do đó các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 123.373.127 đồng (*Một trăm hai mươi ba triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn một trăm hai mươi bảy đồng*). Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã nộp số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004667 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, do đó còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 103.373.127 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn một trăm hai mươi bảy đồng*).

Tạm giữ số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của các bị hại không được chấp nhận nên các bị hại phải chịu án phí; các bị cáo không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, **điểm d khoản 2 Điều 23** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2025/HS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương về hình phạt.

1.1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-

HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Xử phạt bị cáo Đặng Đình T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (20/02/2025).

Giao bị cáo Đặng Đình T cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (20/02/2025).

Giao bị cáo Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 590 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

Buộc bị cáo Đặng Đình T và bị cáo Trần Thị H phải liên đới bồi thường cho các bị hại ông Cao Văn S và bà Nguyễn Thị N số tiền 143.373.127 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn một trăm hai mươi bảy đồng). Các bị cáo đã nộp số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004532 ngày 14/01/2025 và biên lai thu tiền số 0004667 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Tạm giữ số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) để đảm bảo cho việc thi hành án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: bị hại Cao Văn S phải nộp 200.000 đồng, bị hại Nguyễn Thị N phải nộp 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT I);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Các bị cáo, các bị hại;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, NKX.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng

